

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 377/2024/DS-PT

Ngày: 16-8-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Hoàng Thị Thúy Lành

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 290/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1986;

2. Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Kim X - Bị đơn;

(Bà T và bà X có mặt; ông P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-10-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Ngày 19-02-2020, bà và bà Nguyễn Thị Kim X cùng ký kết giấy mượn tiền. Theo đó, bà cho bà X mượn số tiền 55.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh; ngày 19-02-2021, bà X tiếp tục ký giấy mượn tiền của bà với số tiền là 170.000.000 đồng và ngày 21-6-2022, bà X tiếp tục ký giấy mượn tiền là 30.000.000 đồng. Do tin tưởng bà X khó khăn, cần số tiền để sử dụng cho mục đích kinh doanh nên bà X mượn 03 lần, tổng số tiền là 255.000.000 đồng. Việc bà X mượn tiền, ông P là chồng bà X biết, tuy nhiên, do ông P thường xuyên đi làm ăn và cũng tin bà X, ông P nên bà chỉ để cho bà X ký tên trong giấy mượn tiền. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 3%/tháng, thời gian trả là 3 tháng. Tuy nhiên, đến nay, bà X vẫn chưa trả cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim X và ông Huỳnh Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền gốc 255.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán, cụ thể như sau: Đối với số tiền 55.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 19-02-2020 đến ngày 07-5-2024 là 23.098.900 đồng (55.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 4 năm 2 tháng 18 ngày); đối với số tiền 170.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 19-02-2021 đến ngày 07-5-2024 là 54.464.600 đồng (170.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 3 năm 2 tháng 18 ngày); đối với số tiền 30.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 21-6-2022 đến ngày 07-5-2024 là 5.610.800 đồng (30.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 1 năm 10 tháng 16 ngày). Tổng cộng số tiền lãi là 83.174.300 đồng. Như vậy, bà X và ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà tổng cộng số tiền gốc và lãi là 338.174.300 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày:

Cách đây vài năm, bà có mượn của bà Lê Thị Hồng T với số tiền 80.000.000 đồng, tiền lãi mỗi ngày là 1.600.000 đồng (lãi suất 60%/tháng). Bà trả lãi được một thời gian. Sau đó, bà không khả năng trả lãi nữa nên bà T đưa một nhóm người tới bắt ép bà ký giấy nợ với các lần mượn tiền như bà T trình bày. Nay bà T yêu cầu bà trả số tiền đã vay 255.000.000 đồng, bà đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà xin chỉ trả một mình vì số tiền bà ký nhận thì ông P không biết, không liên quan đến. Đối với phần lãi suất, bà xin không trả, do bà đã trả quá nhiều.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng bị đơn ông Huỳnh Thanh P vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản nào phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X, ông Huỳnh Thanh P.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim X, ông Huỳnh Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền đã vay là 338.174.300 đồng (Ba trăm, ba mươi tám triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm đồng chẵn), trong đó tiền gốc là 255.000.000 đồng, lãi là 83.174.300 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-5-2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nợ gốc chỉ có 80.000.000 đồng, đã trả lãi quá nhiều nên không đồng ý trả lãi và xin trả dần tiền gốc, đây là nợ riêng không liên quan đến chồng bà là ông P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà X trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo 03 giấy mượn tiền thì bà X có vay của bà T tổng cộng là 255.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm bà X cũng thừa nhận số nợ này. Bà X vay tiền để trang T cho gia đình và trong thời kỳ hôn nhân nên Bản án sơ thẩm buộc bà X, ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vay 255.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T đồng ý không tính tiền lãi nên kháng cáo của bà X là có căn cứ chấp nhận một phần, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà X kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nợ gốc chỉ có 80.000.000 đồng, đã trả lãi quá nhiều nên không đồng ý trả lãi và xin trả dần tiền gốc, đây là nợ riêng không liên quan đến chồng bà là ông P.

[2] Bị đơn ông Huỳnh Thanh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Bà Lê Thị Hồng T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim X, ông Huỳnh Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc 255.000.000 đồng và lãi suất là 83.174.300 đồng. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim X có vay tiền của bà Lê Thị Hồng T theo “Giấy mượn tiền” ngày 19-02-2020 là 170.000.000 đồng; “Giấy mượn tiền” ngày 11-10-2021 là 55.000.000 đồng và “Giấy mượn tiền” ngày 21-6-2022 là 30.000.000 đồng. Bà X thừa nhận chữ ký, họ tên và dấu lấn tay ở phần “Người mượn tiền” đều là của bà.

[5] Nay bà X kháng cáo cho rằng tiền gốc chỉ có 80.000.000 đồng, do bà T tính lãi cộng dồn lên đến 255.000.000 đồng và ép bà ký tên nhận nợ nhưng bà X không có chứng cứ gì chứng minh. Bà T không thừa nhận và cũng không đồng ý cho trả dần. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà X cũng đồng ý nợ và đồng ý trả cho bà T tổng số tiền gốc vay là 255.000.000 đồng.

[6] Bà X cho rằng, đó là số tiền nợ của riêng bà, không liên quan đến chồng bà là ông P. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà X thừa nhận, bà mượn tiền bà T, chồng bà biết. Bà sử dụng số tiền đó để chi tiêu chung trong gia đình. Mặt khác, mặc dù ông P đã được thông đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của bà T, bà X vay tiền trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, bà Trai yêu cầu bà X, ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc 255.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà X, ông P có trách nhiệm liên đới trả cho Lê Thị Hồng T số tiền đã vay 255.000.000 đồng là có căn cứ. Ông P không có kháng cáo. Bà X kháng cáo số tiền gốc, xin trả dần và cho rằng đây là nợ riêng không liên quan đến chồng bà là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về tiền lãi: Bà T khai bà cho bà X vay tiền các khoản trên là không có lãi; bà X cho rằng vay với lãi suất 60%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hai bên đương sự đều thống nhất có tính lãi là không đúng. Đối với khoản vay 55.000.000 đồng, bà T yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 19-02-2020 trong khi giấy vay tiền là ngày 11-10-2021 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là không đúng, xâm phạm đến quyền lợi của bà X.

[9] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định được các hợp đồng vay này có kỳ hạn hay không (tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất vay không kỳ hạn, nên còn phải xác định thời gian báo trước hợp lý) để xác định tiền lãi trong khoảng thời gian chậm trả, vì hợp đồng vay không có lãi thì chỉ được tính lãi từ thời gian chậm trả, nhưng bản án sơ thẩm lại chấp nhận toàn bộ số tiền

lãi do bà T yêu cầu là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T đồng ý không tính tiền lãi nữa nên kháng cáo của bà X về tiền lãi là có căn cứ chấp nhận, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, chỉ buộc bà X, ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền gốc vay là 255.000.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim X, ông Huỳnh Thanh P phải chịu 12.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà X là có căn cứ.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim X;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X, ông Huỳnh Thanh P.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim X, ông Huỳnh Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền gốc vay là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim X, ông Huỳnh Thanh P phải liên đới chịu 12.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền 9.677.000 đồng theo biên lai thu số 0006239 ngày 19-10-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim X số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004605 ngày 20-5-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu